

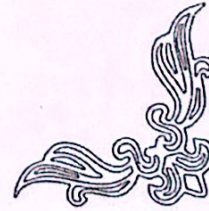


**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG
MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ PHÙ HỢP QUY ĐỊNH
AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

SỐ: 0411/ĐL/2025
SẢN PHẨM: NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM
SIRO MALTOSE

NĂM 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 0411/ĐL/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: thôn Lự Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02283 819 269

Hotline: 0948.372.371

Mã số doanh nghiệp: 0601070523 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Giấy chứng nhận ISO số HA 688.24.CIV (cấp cho địa chỉ sản xuất. kinh doanh: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** Siro maltose
2. **Thành phần:** Tinh bột (tinh bột ngô), nước.
3. **Hạn sử dụng:** 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
 - 4.1. **Bao bì trực tiếp:** Dạng túi PE hoặc thùng PP. Chất lượng bao bì phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - 4.2. **Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản:** Dạng thùng nhựa PP hoặc túi PVC, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất**

Sản xuất tại: Shuangqiao (Quangzhou) company Ltd
Địa chỉ: No.1 Taiyangsheng Road, Hengli Town, Nansha District, Guangzhou city, Guangdong Province, China.
Điện thoại: +86-20-34336688 / +86-20-34334856

Tên cơ sở và địa chỉ nhà nhập khẩu
Sản xuất tại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
Điện thoại: 02283 819 269 Hotline: 0948 372 371



Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Torr bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT: Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;

Ngoài các quy chuẩn, thông tư, nghị định trên, sản phẩm còn đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở số 0411:2025/ĐL ban hành ngày 04/11/2025 (có TCCS đính kèm).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TRẦN THỊ THU HÀ



MẪU NHÃN SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** Siro Maltose
2. **Thành phần sản phẩm:** Tinh bột (tinh bột ngô), Nước
3. **Quy cách:** 25kg /thùng. Kích thước thùng: Ø308*379 mm
4. **Số lô:** G2510T003
5. **Ngày sản xuất:**
6. **Hạn sử dụng:**
7. **Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

Hướng dẫn sử dụng: dùng cho sản xuất bánh kẹo, thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp

8. **Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm**

Nhà sản xuất: Shuangqiao (Guangzhou) Company Ltd

Địa chỉ: Số 1, Đường Taiyangsheng, Thị trấn Hengli, Quận Nam Sa, Quảng Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 0601070523

Điện thoại: 0948372371

9. **Xuất xứ:** Trung Quốc



Tên sản phẩm: Siro Maltose

Thành phần sản phẩm: Tinh bột, Nước

Số lô: G2510T003

Kích thước: Ø308*379 mm

Ngày sản xuất: 18/10/2025

Khối lượng tịnh: 25 kg

Hạn sử dụng: 17/07/2026

Bên xuất khẩu: Shuangqiao (Guangzhou) Company Ltd

Địa chỉ: Số 1, Đường Taiyangsheng, Thị trấn Hengli, Quận Nam Sa, Quảng Châu, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Xuất xứ: TRUNG QUỐC

Bên nhập khẩu: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 0601070523

Điện thoại: 0948372371

**HỆ THỐNG
DỊCH THUẬT TOÀN**
Đ/C: Số 89 Cầu Giấy, Phường Cầu

(Đã đóng dấu)

A2Z CONSULTING AND TRANSLATION CO., LTD.
89 Cau Giay Street, Cau Giay Ward, Hanoi City
Tel: 0966.779.888
Ha Noi, 12.../11.../2025.



Product Name: Maltose Syrup

Product Ingredients: Starch, Water

Size: $\Phi 308 \times 378 \text{mm}$

Net Weight: 25kg

Exporter: Shuangqiao (Guangzhou) Company Ltd.

Address: No. 1, Taiyangsheng Road, Hengli Town, Nansha District, Guangzhou, Guangdong, China

Country of origin: CHINA

Importer: DAI LONG PRODUCTION TRADE IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Luu Pho Hamlet, Nam Dinh District, Ninh Binh Province, Vietnam

Tax code: 0601070523

Tel: 0948372371

Batch No.: G2510T003

Manufacture Date: 2025.10.18

Expiry Date: 2026.07.17



NG
N QUỐC A2Z
Giấy, Thành phố Hà Nội

Product Name: Maltose Syrup

Product Ingredients: Starch, Water

Batch No.: G2511T017

Size: $\Phi 308 \times 379$ mm

Manufacture Date: 2025.11.07

Net Weight 25kg

Expiry Date: 2026.08.06

Exporter: Shuangqiao (Guangzhou) Company Ltd.

Address No. 1, Taiyangsheng Road, Hengli Town, Nansha District, Guangzhou, Guangdong, China

Country of origin: CHINA

Importer DAI LONG PRODUCTION TRADE IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Address Luu Pho Hamlet, Nam Dinh District, Ninh Binh Province, Vietnam

Tax code 0601070523

Tel 0948.793.734





Mã số/ Code: DV142311192/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG
2. Địa chỉ/ Address : Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Siro Maltose/Maltose Sirup
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong lọ nhỏ, nắp kín. Khối lượng: 150 g/lọ; số lượng: 02 lọ
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 30/10/2025
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 30/10/2025-07/11/2025
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 07/11/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
2	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
4	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
5	Lưu huỳnh (S)	g/100g	KPH (LOD = 0,015)	Ref. TCVN 12202-9:2018
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4884-1:2015
7	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-1:2010
8	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
9	E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142311192/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



THS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

MỤC LỤC

	Trang
I. Mục lục	1
II. Phần thông tin mở đầu.....	2
III. Phần cơ bản.....	3
1. Phạm vi áp dụng	3
2. Thuật ngữ và định nghĩa.....	3
3. Yêu cầu kỹ thuật	3
3.1. Thành phần nguyên liệu.....	3
3.2. Yêu cầu cảm quan	3
4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm	3
4.1. Giới hạn tối đa kim loại nặng.....	3
4.2. Giới hạn vi sinh vật.....	4
5. Phương pháp thử	4
6. Thời hạn sử dụng	4
7. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản	4
7.1. Bao gói	4
7.2. Ghi nhãn	4
7.3. Vận chuyển	4
7.4. Bảo quản	5
IV. Phần thông tin bổ sung	5



II. Phần thông tin mở đầu:

TCCS 0411:2025/ĐL do phòng Quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long biên soạn và công bố, áp dụng cho sản phẩm Siro maltose.

360102
CÔNG
CÔ PH
SẢN
THUC
JAT NHA
ĐẠI L
ĐINH

III. Phần cơ bản;

Tên sản phẩm: Siro maltose

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với sản phẩm Maltose sirup – mã số doanh nghiệp: 0601070523 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3, Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình.

2. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

- Siro maltose là sản phẩm được sản xuất từ tinh bột, nước, trong thành phần chứa đường maltose.
- ĐL: là tên viết tắt của Công ty

3. Yêu cầu kỹ thuật.

a. Thành phần nguyên liệu cấu thành: tinh bột (tinh bột ngô), nước.

Chú ý: các thành phần nguyên liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn để dùng làm thực phẩm.

b. Yêu cầu về cảm quan

Dạng lỏng, trong, đặc sánh, màu sắc từ trắng trong đến hơi vàng.

4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

a. Giới hạn tối đa kim loại nặng

Yêu cầu về giới hạn tối đa kim loại nặng đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 4 (Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,5$
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Arsenic (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

b. Giới hạn vi sinh vật

Yêu cầu về giới hạn vi sinh vật đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 5 (Áp dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 5 \times 10^5$
2	<i>E.Coli</i>	CFU/g	≤ 50
3	<i>Coliform</i>	CFU/g	0
4	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	≤ 10
5	<i>Salmonella spp</i>	CFU/g	Không được có

5. Phương pháp thử:

Trong quá trình sản xuất và lưu hành sản phẩm, khi công ty có nhu cầu kiểm nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng và vệ sinh an toàn của các nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, bao bì sản phẩm,... cũng như sản phẩm trước và sau khi đưa ra lưu thông trên thị trường thì các mẫu kiểm nghiệm sẽ được gửi tới các cơ quan kiểm nghiệm có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành để các cơ quan kiểm nghiệm đó tiến hành các thử nghiệm theo các phương pháp thử đã được công nhận.

6. **Hạn sử dụng:** sản phẩm có thời hạn sử dụng là 09 tháng kể từ ngày sản xuất.

7. **Bao bì, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.**

a. Bao bì trực tiếp: Dạng túi PE hoặc thùng PP. Chất lượng bao bì phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

b. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng thùng nhựa PP hoặc túi PVC, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.

8. **Ghi nhãn:**

Việc ghi nhãn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ “về nhãn hàng hóa”, nghị định 111/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của chính phủ “về nhãn hàng hóa”.

9. **Vận chuyển:**

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện chuyên dụng, bảo vệ được chất lượng và an toàn vệ sinh cho sản phẩm.

10. **Bảo quản:**

Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp,

IV, Phần thông tin bổ sung

Trong trường hợp các quy định pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Tiêu chuẩn cơ sở này có sự sửa đổi bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Tiêu chuẩn này áp dụng từ ngày 04 tháng 11 năm 2025 ./.

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



TRẦN THỊ NGÀ

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TRẦN THỊ THU HÀ